

HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH VỀ HÌNH PHẠT CẢNH CÁO TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

COMPLETING THE PROVISIONS ON WARNING IN THE VIETNAMESE CRIMINAL CODE

*Trần Hữu Tráng**

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 01/07/2022

Ngày nhận kết quả phản biện đánh giá: 01/01/2023

Ngày bài báo được duyệt đăng: 27/01/2023

Tóm tắt: Bài viết phân tích làm rõ những hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng hình phạt cảnh cáo và nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc này. Từ đó kiến các giải pháp hoàn thiện quy định về hình phạt cảnh cáo và giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng hình phạt cảnh cáo.

Từ khóa: Hình phạt cảnh cáo, thực tiễn áp dụng, bản án, hoàn thiện pháp luật, hiệu quả áp dụng.

Abstract: The article clearly analyzes the limitations and mistakes in applying warnings and the causes of these limitations and errors. On that basis, give solutions to improve the regulations on warnings and solutions to improve the effectiveness of warnings.

Keywords: Warning, Practice of applying warning, Conviction, To improve the regulations, Effectiveness of warning.

I. Dẫn nhập

Thống kê của Tòa án nhân dân tối cao, từ năm 2015 đến năm 2022 các Tòa án đã thụ lý xét xử 496.363 vụ phạm tội với 844.519 người phạm tội, trong đó số người bị xử phạt cảnh cáo là 733 người chiếm tỷ lệ 0,087%.[†] Số liệu này cho thấy hình phạt cảnh cáo rất ít được áp dụng. Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017

(gọi tắt là BLHS năm 2015) đã thể hiện rất rõ chính sách hình sự nhân đạo, hướng thiện của Nhà nước ta.[‡] Tuy nhiên chính sách này chưa được thể hiện rõ trong áp dụng BLHS nói chung, áp dụng hình phạt cảnh cáo nói riêng. Hơn nữa việc chủ yếu áp dụng hình phạt tù vừa gây áp lực cho quá trình thi hành án phạt tù, vừa tiêu tốn một khoản kinh phí rất lớn cho việc thi

* Khoa Luật học, Trường Đại học Đà Lạt.

† Tòa án nhân dân Tối cao, Thống kê xét xử sơ thẩm vụ án hình sự giai đoạn 2015-2022.

‡ Trần Hữu Tráng, Xu hướng nhân đạo và hướng thiện trong áp dụng pháp luật hình sự Việt Nam, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, số 06 (26) 2018, tr. 10-20.

hành án mà nếu tiết kiệm sẽ có nguồn lực lớn để phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Vì vậy nghiên cứu hoàn thiện quy định của BLHS về hình phạt cảnh cáo, qua đó nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự nói chung, áp dụng hình phạt cảnh cáo nói riêng có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn.

II. Cơ sở lý thuyết:

Bài viết dựa trên các lý thuyết về hình phạt, lý thuyết về lỗi trong Luật hình sự và lý thuyết về mục tiêu của chính sách pháp luật.

2.1. Lý thuyết về tội phạm và hình phạt

Tội phạm và hình phạt là hai nền tảng lý luận cơ bản trong Luật Hình sự Việt Nam. Lý thuyết về tội phạm làm rõ khái niệm tội phạm, đặc điểm của tội phạm, phân loại tội phạm, phân biệt tội phạm với các vi phạm pháp luật khác và các yếu tố cấu thành tội phạm.[§] Lý thuyết về hình phạt làm rõ cơ sở của trách nhiệm hình sự, ý nghĩa, mục đích, vai trò của hình phạt, hệ thống hình phạt, căn cứ quyết định hình phạt và các chế định liên quan đến chấp hành hình phạt.[¶]

2.2. Lý thuyết về định tội danh và quyết định hình phạt

Lý thuyết về định tội danh là nền tảng lý luận để xác định tội danh, loại tội phạm cụ thể. Lý thuyết về quyết định hình phạt là nền tảng để lựa chọn loại và mức hình phạt cụ thể áp dụng cho người, pháp nhân thương mại phạm tội nhằm đạt được mục đích của hình phạt và đáp ứng yêu cầu phòng, chống tội phạm.^{**}

2.3. Lý thuyết về lỗi

Lý thuyết về lỗi là nền tảng lý luận đặc biệt quan trọng trong Luật hình sự. Một người chỉ phải chịu TNHS khi họ có lỗi khi thực hiện hành vi gây nguy hiểm cho xã hội. Lỗi cũng là một trong các cơ sở quan trọng để đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.^{††}

2.4. Lý thuyết về mục tiêu của chính sách pháp luật hình sự

Lý thuyết về mục tiêu của chính sách pháp luật là nền tảng lý luận để bảo đảm các quyền cơ bản của con người. Mục tiêu chung của chính sách pháp luật Việt Nam là dựa trên các giá trị như: tính mạng, tự do, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người, công bằng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Hình phạt tiền cảnh

§ Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Phần chung. Nxb. Công an nhân dân, tr.49-158; Nguyễn Ngọc Hòa (2013), Tội phạm và cấu thành tội phạm. Nxb. Công an nhân dân, tr. 11-110.

¶ Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Phần chung. Nxb. Công an nhân dân, tr.217-335.

** Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Phần chung. Nxb. Công an nhân dân, tr. 263-292.

†† Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Phần chung. Nxb. Công an nhân dân, tr. 161-180; Nguyễn Ngọc Hòa (2013), Tội phạm và cấu thành tội phạm. Nxb. Công an nhân dân, tr. 82-101.

cáo là một trong sự thể hiện các mục đích tốt đẹp của chính sách pháp luật hình sự của Việt Nam.^{‡‡}

III. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp phân tích, bình luận, quy nạp, diễn dịch, suy luận logic, phân tích quy phạm pháp luật, phương pháp phân tích bản án được sử dụng để làm rõ thực trạng áp dụng hình phạt cảnh cáo từ đó phân tích làm rõ những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của các hạn chế, bất cập này.

Các phương pháp phân tích, bình luận, quy nạp, diễn dịch, suy luận logic được sử dụng để đưa ra những kiến nghị đề xuất hoàn thiện quy định về hình phạt cảnh cáo và nâng cao hiệu quả áp dụng hình phạt cảnh cáo.

IV. Kết quả và thảo luận

Nghiên cứu thực tiễn áp dụng hình phạt cảnh cáo cho thấy còn nhiều hạn chế, vướng mắc trong quá trình áp dụng. Để thấy rõ điều này, bài viết đã phân tích thực tiễn áp dụng hình phạt cảnh cáo thông qua các bản án sau đây:

Vụ án 1: Bản án số 37/2019/HS-ST ngày 24/6/2019 của Tòa án nhân dân (TAND) thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử Võ Văn S (sinh năm 1984 tại

Quảng Bình) phạm tội vận chuyển hàng cấm là 04 hộp pháo (ký hiệu A1, A2) có tổng khối lượng 04 hộp là 8,1 kg. Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên phạt Võ Văn S hình phạt cảnh cáo.^{§§}

Vụ án 2: Bản án số 04/2021/HS-ST ngày 15/01/2021 của TAND huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị xét xử Đoàn Phong Q, (sinh năm 1998 tại huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị) và Lê Quốc T (sinh năm 1988 tại huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị) phạm tội trộm cắp tài sản là 02 bình ắc quy để trong máy phát điện của trạm trộn bê tông, có tổng trị giá 2.148.000 đồng. HĐXX tuyên phạt bị cáo Đoàn Phong Q 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo Lê Quốc T hình phạt cảnh cáo.^{¶¶}

Vụ án 3: Bản án số 85/2019/HS-ST ngày 19/10/2019 của TAND thành phố, tỉnh Ninh Thuận xét xử tội làm nhục người khác đối với các bị cáo Nguyễn Thị R, sinh năm 1987, tại Ninh Thuận; Trần Thị H, sinh năm: 1962, tại Ninh Thuận; Trần Thị Kim C, sinh năm: 1959, tại Ninh Thuận; Nguyễn Thị R2, sinh năm: 1971, tại Ninh Thuận; Phạm Thị L1, sinh năm: 1984, tại Bình Định. Nhóm bị cáo đã thực hiện hành vi làm nhục chị Huỳnh Thị H5. HĐXX đã xử phạt bị cáo Nguyễn Thị R 06 (sáu) tháng cải tạo không giam

‡‡ Võ Khánh Vinh (2020), Chính sách pháp luật (Giáo trình sau đại học). Nxb. Khoa học Xã hội. tr. 182-225.

§§ Bản án số 37/2019/HS-ST ngày 24/6/2019 của TAND thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử Võ Văn S phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

¶¶ Bản án số 04/2021/HS-ST ngày 15/01/2021 của TAND huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị xét xử Đoàn Phong Q và Lê Quốc T phạm tội trộm cắp tài sản

giữ; xử phạt các bị cáo Trần Thị H, Trần Thị Kim C, Nguyễn Thị R2, Phạm Thị L1 hình phạt cảnh cáo.^{***}

Vụ án 4: Bản án số 39/2020/HS-ST ngày 20/7/2020 của TAND huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội xét xử các bị cáo Nguyễn Tr H sinh năm 1971, Nguyễn Văn B sinh năm 1982, Nguyễn Đắc T sinh năm 1977, Nguyễn Văn M sinh năm 1989 đều cùng thôn với Ch, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, tội đánh bạc với hình phạt: Nguyễn Tr Ch 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; các bị cáo Nguyễn Đắc T, Nguyễn Văn M, Nguyễn Tr H mỗi bị cáo 20.000.000 đồng; Nguyễn Văn B hình phạt cảnh cáo.^{†††}

4.1. Những hạn chế, vướng mắc trong áp dụng hình phạt cảnh cáo

Thứ nhất, HĐXX chưa có những phân tích để làm rõ nội dung người phạm tội “chưa đến mức miễn hình phạt”. Trong các điều kiện để áp dụng hình phạt cảnh cáo thì hầu hết các HĐXX chỉ làm rõ các điều kiện thứ nhất là “áp dụng hình phạt cảnh cáo đối với người phạm tội ít nghiêm trọng”; điều kiện thứ hai là áp dụng hình phạt cảnh cáo đối với người phạm tội “có nhiều tình tiết giảm nhẹ”. Đây là những điều kiện cụ thể, rõ ràng và dễ xác định nên được các HĐXX phân tích rất cụ thể, chi tiết trong bản án. Tuy nhiên, đối

với điều kiện “*chưa đến mức miễn hình phạt*”, tất cả các bản án có áp dụng hình phạt cảnh cáo đều chỉ nhắc lại điều kiện này trong phần nhận định của HĐXX hoặc chỉ nêu chung chung là: “Áp dụng hình phạt cảnh cáo đối với bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung”.^{†††} Đây là nhận định hoàn toàn mang tính chủ quan của HĐXX. Không có bất kỳ bản án nào có sự phân tích để làm rõ nội dung “*chưa đến mức miễn hình phạt*” của người phạm tội. Các bản án cũng không phân tích làm rõ xem người phạm tội có đáng được khoan hồng không và mức độ đáng khoan hồng như thế nào, có đáng được miễn hình phạt hay chưa đến mức miễn hình phạt. Đây là việc không dễ vì BLHS không quy định cụ thể vấn đề này và cũng chưa có văn bản pháp luật hình sự nào hướng dẫn thực hiện điều này. Tuy nhiên, đây lại là nội dung cơ bản, quyết định có áp dụng hình phạt cảnh cáo cho người phạm tội không. Chỉ khi làm rõ nội dung này thì việc áp dụng hình phạt cảnh cáo mới có đầy đủ cơ sở và khi đó hình phạt được áp dụng mới đạt được mục đích, hiệu quả mong muốn.

Thứ hai, chưa có sự phân tích làm rõ các đặc điểm nhân thân của bị cáo liên quan đến lòng tự trọng, niềm kiêu hãnh, sự coi trọng, đề cao uy tín, danh dự cũng như khả năng tự giáo dục, tự cải tạo của người

*** Bản án số 85/2019/HS-ST ngày 19/10/2019 của TAND thành phố P, tỉnh Ninh Thuận xét xử các bị cáo phạm tội làm nhục người khác.

††† Bản án số 39/2020/HS-ST ngày 20/7/2020 của TAND huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội xét xử các bị cáo phạm tội đánh bạc.

††† Bản án số 39/2020/HS-ST ngày 20/7/2020 của TAND huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội xét xử các bị cáo phạm tội đánh bạc.

phạm tội. Hình phạt cảnh cáo là hình phạt đặc biệt, hình phạt này chỉ có tác dụng đối với những người có lòng tự trọng, niềm kiêu hãnh, coi trọng uy tín, danh dự của cá nhân và có khả năng tự giáo dục, tự cải tạo. Vì vậy, để áp dụng hình phạt này, đòi hỏi HĐXX phải làm rõ liệu những người dự kiến sẽ áp dụng hình phạt cảnh cáo có thỏa mãn điều kiện này không. Việc xác định điều kiện này cũng là vấn đề rất khó khăn, phức tạp. BLHS hoàn toàn không quy định vấn đề này và cũng không có văn bản nào hướng dẫn về nội dung này. Tuy nhiên, đây lại là nội dung rất quan trọng, bảo đảm tác dụng, hiệu quả và mục đích của hình phạt cảnh cáo. Muốn xác định được điều này thì HĐXX phải có được đầy đủ thông tin về quá trình sinh sống của người bị cáo, thông tin về các mối quan hệ trong gia đình, trong dòng tộc, quan hệ hàng xóm, bạn bè, đồng nghiệp cùng với những nhận xét, đánh giá của những người có các quan hệ nhất định với bị cáo, như quan hệ gia đình, dòng tộc, bạn bè, đồng nghiệp, hàng xóm... Tổng hợp tất cả những thông tin này mới có cơ sở để đánh giá về lòng tự trọng, nhân cách, uy tín, danh dự của bị cáo. Tuy nhiên, trong hồ sơ điều tra, truy tố và nội dung tranh luận tại phiên tòa không có các nội dung liên quan đến các vấn đề này. Nghiên cứu các bản án có áp dụng hình phạt cảnh cáo cho thấy, không có bất kỳ bản án nào có sự phân tích, đánh giá về lòng tự trọng, niềm kiêu hãnh, sự coi trọng uy tín, danh dự, nhân phẩm và khả năng tự giáo dục, tự cải tạo của bị cáo. Thiếu nội dung này làm cho việc áp dụng hình phạt cảnh cáo trong các bản án chưa có đầy đủ cơ sở cần thiết.

Thứ ba, các HĐXX chưa có các phân tích thuyết phục cho thấy việc áp dụng hình phạt cảnh cáo đối với bị cáo là hoàn toàn phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, phù hợp với nhân thân người phạm tội và đáp ứng yêu cầu phòng, chống tội phạm. Hình phạt cảnh cáo là hình phạt nhẹ nhất trong hệ thống hình phạt. Hậu quả của hình phạt cảnh cáo là gây ra cho người bị kết án những tổn thất về mặt tinh thần, ảnh hưởng đến lòng tự trọng, niềm kiêu hãnh, hạ thấp uy tín, danh dự của người bị kết án. Vì vậy, để áp dụng hình phạt này, HĐXX không chỉ cần làm rõ tội phạm mà bị cáo thực hiện là tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ mà quan trọng hơn, phải làm rõ việc áp dụng hình phạt cảnh cáo là hoàn toàn phù hợp với đặc điểm nhân thân người phạm tội và đáp ứng tốt yêu cầu phòng, chống tội phạm. Nghĩa là cần làm rõ được hình phạt cảnh cáo sẽ có tác dụng đối với lòng tự trọng, niềm kiêu hãnh, danh dự, nhân phẩm của người bị kết án, qua đó đạt được mục đích của hình phạt, đáp ứng yêu cầu phòng, chống tội phạm. Nghiên cứu cả bốn vụ án có áp dụng hình phạt cảnh cáo nêu trên cho thấy, cả bốn vụ án này đều không đề cập đến nội dung này trong các bản án. Chẳng hạn, trong vụ án 1 nêu trên, HĐXX chỉ đưa ra nhận định “*HVPT của bị cáo Võ Văn S là nhất thời, thiếu hiểu biết pháp luật, mục đích là mua phá vỡ để ăn mừng sự kiện là đưa con trai ra đời. Quá trình điều tra bị can thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần*

đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”.^{§§§} Nhận xét này hoàn toàn không thể hiện nội dung bị cáo S có phải là người tự trọng, coi trọng nhân phẩm, danh dự, uy tín không và việc áp dụng hình phạt cảnh cáo với bị cáo S có đạt được mục đích của hình phạt không. Tương tự, trong ví dụ 2 HĐXX cũng chỉ nhận định “*các bị cáo Q, T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội gây thiệt hại không lớn và bị hại xin miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo*”.^{¶¶¶} Nhận xét này cũng hoàn toàn không có cơ sở để đánh giá lòng tự trọng, sự coi trọng nhân phẩm, danh dự, uy tín của bị cáo và việc áp dụng hình phạt cảnh cáo với bị cáo có đạt được mục đích của hình phạt không. Nghiên cứu các bản án áp dụng các hình phạt không tước tự do khác như hình phạt tiền hay cải tạo không giam giữ hay thậm chí hình phạt tù có thời hạn cũng thấy có các nhận định tương tự như hai vụ án trên. Ví dụ bản án số 88/2020/HS-ST của TAND thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử bị cáo Nguyễn Văn C (sinh năm 1997 tại thành phố Hải Phòng) phạm tội công nhiên chiếm đoạt 02 chiếc điện thoại di động Iphone XS Max 64G trị giá 24 triệu đồng tại cửa hàng của anh Nguyễn Tường N. HĐXX nhận định “*Bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải việc đã làm; Bị cáo*

phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã trả lại tài sản trộm cắp cho bị hại, bị cáo có ông bà nội là người có Công với cách mạng, ông bà nội bị cáo được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất”.^{****} Nhận định này hoàn toàn tương tự như nhận định của 04 bản án trong các ví dụ nêu trên. Tuy nhiên, HĐXX trong vụ án này lại tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” và xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 09 (Chín) tháng tù. Sự phân tích này cho thấy, rõ ràng để áp dụng hình phạt cảnh cáo, HĐXX phải có những lập luận, phân tích để thấy được việc áp dụng hình phạt cảnh cáo là hoàn toàn phù hợp với đặc điểm nhân thân của bị cáo và đạt được mục đích của hình phạt, đáp ứng được yêu cầu phòng, chống tội phạm. Có như vậy, việc áp dụng hình phạt mới bảo đảm đầy đủ cơ sở khoa học và thực tiễn.

4.2. Nguyên nhân của các hạn chế, vướng mắc trong áp dụng hình phạt cảnh cáo

- Thứ nhất, quy định về hình phạt cảnh cáo chưa cụ thể, rõ ràng. BLHS sử dụng cụm từ “*chưa đến mức miễn hình phạt*” làm gianh giới để áp dụng hình phạt cảnh cáo. Tuy nhiên gianh giới này lại rất mơ hồ và khó xác định trong thực tiễn. Mặc dù BLHS có quy định về miễn hình phạt, tuy nhiên chế định miễn hình

§§§ Bản án số 37/2019/HS-ST ngày 24/6/2019 của TAND thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử Võ Văn S phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

¶¶¶ Bản án số 04/2021/HS-ST ngày 15/01/2021 của TAND huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị xét xử Đoàn Phong Q và Lê Quốc T phạm tội trộm cắp tài sản.

**** Bản án số 88/2020/HS-ST của TAND thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử bị cáo Nguyễn Văn C (sinh năm 1997 tại thành phố Hải Phòng) phạm tội công nhiên chiếm đoạt tài sản.

phạt lại được quy định tại nhiều điều luật, như Điều 59, Điều 390 BLHS, trong đó, các điều kiện để miễn hình phạt cũng khá chung chung, trừu tượng. Các nhà làm luật không đưa ra bất kỳ tiêu chí hay thước đo, cách thức nào để xác định gianh giới giữa miễn hình phạt và chưa đến mức miễn hình phạt. Việc xác định gianh giới này là hoàn toàn tùy thuộc vào HĐXX. Điều này vừa gây khó khăn cho các HĐXX trong thực tiễn áp dụng pháp luật, vừa tạo ra sự thiếu thống nhất trong áp dụng pháp luật hình sự cũng như tạo gánh nặng trách nhiệm cho HĐXX. Bởi vì không có các tiêu chí, thước đo cho việc xác định này nên khó có thể đánh giá việc áp dụng hình phạt cảnh cáo của HĐXX là phù hợp hay không phù hợp. Chính điều này đã tạo ra tâm lý e ngại cho HĐXX khi áp dụng hình phạt cảnh cáo.

- *Thứ hai, không có hướng dẫn áp dụng đối với hình phạt cảnh cáo.* Mặc dù quy định về hình phạt cảnh cáo trong BLHS là chưa cụ thể, rõ ràng, còn mang tính chung chung, trừu tượng. Tuy nhiên, đến nay chưa có bất kỳ văn bản nào của cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn về các điều kiện để áp dụng hình phạt cảnh cáo. Cơ sở thực tiễn để HĐXX áp dụng hình phạt cảnh cáo chỉ chủ yếu dựa vào kết luận điều tra, cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tuy nhiên, những tài liệu này lại không có các thông tin liên quan đến việc đánh giá các đặc điểm nhân thân người phạm tội liên quan đến nhân phẩm, danh dự, uy tín của họ. Trong số các án lệ đã được TAND Tối cao chọn, ban hành cũng chưa có án lệ nào liên quan đến áp dụng hình phạt cảnh cáo

để các HĐXX có thể học tập kinh nghiệm trong áp dụng hình phạt này.

- *Thứ ba, định nghĩa về hình phạt cảnh cáo chưa nêu được bản chất của hình phạt cảnh cáo.* Bản chất của hình phạt cảnh cáo chính là sự lên án của Nhà nước đối với người đã thực hiện HVPT và sự lên án này chủ yếu tác động đến lòng tự trọng, niềm kiêu hãnh, uy tín, danh dự của người phạm tội. Đây cũng chính là hậu quả mà người bị áp dụng hình phạt cảnh cáo phải gánh chịu. Trong quy định về hình phạt cảnh cáo cũng như trong các tài liệu nghiên cứu về hình phạt cảnh cáo hoàn toàn không có nội dung nào đề cập đến bản chất này của hình phạt cảnh cáo. Điều này dẫn đến những nhận thức không đúng, không đầy đủ về bản chất, vai trò, tác dụng của hình phạt cảnh cáo. Một số người cho rằng, hình phạt cảnh cáo chỉ là hình phạt chỉ mang tính ước lệ, phạt cũng như không phạt. Một số khác thì coi hình phạt này như là sự ban ơn của HĐXX đối với người phạm tội. Tâm lý này dẫn đến rất ít HĐXX áp dụng hình phạt này, vì cho rằng hình phạt này không có tác dụng, không có hiệu quả và không có tính trừng trị hoặc ngại dư luận cho là có tiêu cực. Một số HĐXX áp dụng hình phạt này, nhưng lại không chú trọng việc phân tích xem người bị áp dụng có thuộc nhóm người coi trọng uy tín, danh dự, nhân phẩm của cá nhân không; có khả năng tự giáo dục, cải tạo không. Vì vậy, khi hình phạt này áp dụng cho những người không coi trọng uy tín, danh dự, nhân phẩm cá nhân, không có khả năng tự giáo dục, tự cải tạo thì hình phạt này sẽ không có ý nghĩa, không có tác dụng, không đạt được

mục đích của hình phạt và yêu cầu phòng, chống tội phạm.

- *Thứ tư, chưa bảo đảm công lý, công bằng xã hội.* Công lý là lẽ phải, là sự bảo đảm cho lẽ phải, sự đúng đắn trong xã hội. Công bằng là sự đánh giá của Nhà nước, của xã hội đối với mức độ gây ra thiệt hại của các hành vi phạm tội để áp dụng các chế tài tương ứng. Lẽ phải và công bằng chính là những chuẩn mực cần thiết phải được bảo đảm và duy trì trong xã hội. Để bảo đảm công lý và công bằng trong áp dụng hình phạt cảnh cáo, cần phải bảo đảm rằng các trường hợp phạm tội có tính chất, mức độ tương tự nhau phải được áp dụng hình phạt cảnh cáo như nhau. Nghiên cứu bốn vụ án có áp dụng hình phạt cảnh cáo nêu trên cho thấy tính chất, mức độ của các HVPT là rất khác nhau:

HVPT của bị cáo S trong vụ án 1 và HVPT của bị cáo B trong vụ án 4 có tính chất, mức độ nguy hiểm tương tự nhau. Tuy nhiên động cơ phạm tội và nhân thân của hai bị cáo thì rất khác nhau. Động cơ phạm tội của S mua bán, vận chuyển pháo nổ là muốn ăn mừng vì sinh con trai, còn động cơ phạm tội của B trong vụ đánh bạc là động cơ vụ lợi: B luôn được lợi 20.000 đồng khi có người ù. Bị cáo S là người khuyết tật nặng nên cũng ảnh hưởng đến khả năng nhận thức của S. S là người luôn cố gắng, nỗ lực trong học tập, sản xuất, trong khi B là người lười nhác, hiểu biết rất rõ hành vi phạm tội của mình. Trường hợp này, vì B chưa được hưởng lợi trên thực tế nên việc HĐXX áp dụng hình phạt cảnh cáo cho S và B là tương đối phù hợp. Tuy nhiên, HVPT của Lê Quốc T trong vụ án

2 và HVPT của nhóm Trần Thị H, Trần Thị Kim C, Nguyễn Thị R2, Phạm Thị L1 trong vụ án 3 có tính chất, mức độ rất khác HVPT của S và B trong vụ án 1 và vụ án 4. Trong vụ án 2, T là giáo viên, là người rất hiểu biết pháp luật, nhận thức rõ tính chất, mức độ nguy hiểm của HVPT, nhưng khi được Q rủ đi trộm cắp tài sản, T không những không can ngăn Q mà còn đồng ý cùng Q thực hiện HVPT và sau đó T mang 2 ắc quy về nhà mình để cất giấu. Rõ ràng trong trường hợp này, vai trò của T là rất đáng kể trong đồng phạm. T là người được Q nể trọng nên sự đồng ý của T chính là sự khích lệ đáng kể cho tinh thần và là động lực để Q cùng thực hiện HVPT. Hơn nữa, sau khi thực hiện HVPT, T lại là người cất giấu tài sản trộm cắp được. Trong vụ án này, HĐXX áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cho Q, hình phạt cảnh cáo cho T là chưa phù hợp.

Trong vụ án 3, HVPT của nhóm H, C, R2, L1 đồng phạm với R đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền con người, quyền được bảo vệ về nhân phẩm, danh dự của con người của nạn nhân H5. Không có sự tham gia của H, C, R2, L1 và cháu Nh thì R không dám và không thể thực hiện được HVPT làm nhục chị H5. Rõ ràng HVPT của nhóm H, C, R2, L1 có tính chất, mức độ nguy hiểm cao hơn HVPT của T; HVPT của nhóm H, C, R2, L1 và của T có tính chất, mức độ nguy hiểm cao hơn nhiều so với HVPT của S và B trong vụ án 1 và vụ án 4. Tuy nhiên tất cả các bị cáo này đều được áp dụng hình phạt cảnh cáo là chưa bảo đảm công lý, công bằng xã hội.

V. Kết luận

Từ những phân tích trên cho thấy, để nâng cao hiệu quả áp dụng hình phạt cảnh cáo, bảo đảm đạt được mục đích của hình phạt cảnh cáo và đáp ứng yêu cầu tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp, cần thực hiện các giải pháp sau đây:

Thứ nhất, hoàn thiện quy định của BLHS về hình phạt cảnh cáo. Như đã phân tích, quy định về hình phạt cảnh cáo mới chỉ nêu được các điều kiện để áp dụng hình phạt này, trong đó điều kiện “chưa đến mức miễn hình phạt” là một điều kiện không cụ thể, rõ ràng, gây khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng. Để bảo đảm thuận lợi trong áp dụng hình phạt cảnh cáo, đạt được mục đích của hình phạt, bảo đảm chính sách hình sự nhân đạo, hướng thiện cũng như yêu cầu phòng, chống tội phạm, cần sửa đổi nội dung này theo hướng chỉ áp dụng cho những người có lòng tự trọng, niềm kiêu hãnh, coi trọng uy tín, danh dự của cá nhân và có khả năng tự giáo dục, tự cải tạo. Cụ thể Điều 34 BLHS được sửa đổi như sau:

Cảnh cáo được áp dụng cho người phạm tội có lòng tự trọng, niềm kiêu hãnh, coi trọng uy tín, danh dự của cá nhân, có khả năng tự giáo dục, tự cải tạo, phạm tội ít nghiêm trọng và chưa đến mức xử phạt tiền hoặc cải tạo không giam giữ.

Thứ hai, ban hành văn bản hướng dẫn việc làm rõ các đặc điểm nhân thân của bị can, bị cáo. Để bảo đảm cơ sở cho HĐXX đánh giá về lòng tự trọng, niềm kiêu hãnh, coi trọng uy tín, danh dự của cá nhân, có khả năng tự giáo dục, tự cải tạo, cần ban hành văn bản hướng dẫn khoản 3

Điều 85 Bộ luật Tố tụng hình sự về “đặc điểm về nhân thân của bị can, bị cáo”. Theo đó, nội dung phải chứng minh trong vụ án hình sự liên quan đến nhân thân của bị can, bị cáo là lòng tự trọng, niềm kiêu hãnh, sự coi trọng uy tín, danh dự và khả năng tự giáo dục, tự cải tạo của bị can, bị cáo. Đây là cơ sở để quá trình điều tra, truy tố và xét xử phải làm rõ những vấn đề này làm cơ sở cho HĐXX áp dụng hình phạt cảnh cáo.

Thứ ba, ban hành án lệ về áp dụng hình phạt cảnh cáo. Tòa án nhân dân Tối cao cần chỉ đạo để thực hiện những vụ án mẫu, trong đó làm rõ các đặc điểm nhân thân của bị can, bị cáo liên quan đến lòng tự trọng, niềm kiêu hãnh, sự coi trọng uy tín, danh dự và khả năng tự giáo dục, tự cải tạo của bị can, bị cáo, làm cơ sở để áp dụng hình phạt cảnh cáo. Từ đó xuất bản làm án lệ để hướng dẫn các tòa án áp dụng thống nhất trong toàn quốc.

Hình phạt cảnh cáo cảnh cáo thể hiện rất rõ chính sách hình sự nhân đạo, hướng thiện của Nhà nước ta. Áp dụng chính xác hình phạt này sẽ vừa bảo đảm chính sách hình sự nhân đạo, hướng thiện, tạo điều kiện tốt nhất cho người phạm tội tự giáo dục, tự cải tạo, hoàn thiện mình để trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, vừa đạt được mục đích của hình phạt, qua đó nâng cao hiệu quả phòng, chống tội phạm.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Nguyễn Ngọc Hòa (2013), Tội phạm và cấu thành tội phạm. Nxb. Công an nhân dân.
- [2]. Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị, Bản án số 04/2021/HS-ST ngày

15/01/2021 xét xử Đoàn Phong Q và Lê Quốc T phạm tội trộm cắp tài sản

[3]. Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Bản án số 39/2020/HS-ST ngày 20/7/2020 xét xử các bị cáo phạm tội đánh bạc.

[4]. Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình Bản án số 37/2019/HS-ST ngày 24/6/2019 xét xử Võ Văn S phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

[5]. Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, Bản án số 37/2019/HS-ST ngày 24/6/2019 xét xử Võ Văn S phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

[6]. Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận, Bản án số 85/2019/HS-ST ngày 19/10/2019 xét xử các bị cáo phạm tội làm nhục người khác.

[7]. Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, Bản án số 88/2020/HS-ST xét xử bị cáo Nguyễn Văn C (sinh năm 1997 tại thành

phố Hải Phòng) phạm tội công nhiên chiếm đoạt tài sản.

[8]. Tòa án nhân dân Tối cao, Thống kê xét xử sơ thẩm vụ án hình sự giai đoạn 2015-2022.

[9]. Trần Hữu Tráng (2018), Xu hướng nhân đạo và hướng thiện trong áp dụng pháp luật hình sự Việt Nam, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, số 06 (26), tr. 10-20.

[10]. Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Phần chung. Nxb. Công an nhân dân, tr.49-158; Nguyễn Ngọc Hòa (2013), Tội phạm và cấu thành tội phạm. Nxb. Công an nhân dân.

[11]. Võ Khánh Vinh (2020), Chính sách pháp luật (Giáo trình sau đại học). Nxb. Khoa học Xã hội.

Địa chỉ tác giả: Trường Đại học Đà Lạt

Email: trangth@dlu.edu.vn

